TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST Ngày 27-3-2025 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Thu Hương
2. Bà Trần Thị Bích Huề

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thu Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Chí Cường - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2024/TLST-HNGĐ ngày 12-12-2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21-02-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Đ K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái

Bị đơn: Anh Bàn Phúc T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Đ K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-12-2024, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Phúc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 15/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T mải chơi không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Văn Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Bàn Thị V sinh ngày 13/8/2004, Bàn Thúy T1 sinh ngày 28/3/2008 và Bàn Thị T2 sinh ngày 26/4/2013. Ly hôn cháu V đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với 02 con là Bàn Thúy T1 và Bàn Thị T2, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2025 anh Bàn Phúc T trình bày: Anh và chị Phạm Thị N được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng trong cuộc sống. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Bàn Thị V sinh ngày 13/8/2004, Bàn Thúy T1 sinh ngày 28/3/2008 và Bàn Thị T2 sinh ngày 26/4/2013. Nếu phải ly hôn, cháu V đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với 02 con là Bàn Thúy T1 và Bàn Thị T2, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Bàn Thúy T1 và giao cháu Bàn Thị T2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2025 của cháu Bàn Thúy T1 thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2025 của cháu Bàn Thị T2 thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã ra thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại buổi hòa giải chị Phạm Thị N và anh Bàn Phúc T không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn và nuôi con đối với anh Bàn Phúc T.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N; Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Bàn Phúc T, giao con là Bàn Thúy T1 sinh ngày 28/3/2008 và Bàn Thị T2 sinh ngày 26/4/2013 cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147

Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Bàn Phúc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn anh Bàn Phúc T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị N và anh Bàn Phúc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 15/11/2002 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại bản tự khai chị N, anh T đều xác định: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không còn hòa hợp. Anh Bàn Phúc T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dậy con cái. Tuy nhiên, anh T cũng xác định từ cuối năm 2024 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa chị N và anh T nhưng anh T cũng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trên thực tế anh, chị đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giữa vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị N được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Phạm Thị N và anh Bàn Phúc T có 03 con chung là Bàn Thị V sinh ngày 13/8/2004, Bàn Thúy T1 sinh ngày 28/3/2008 và cháu Bàn Thị T2 sinh ngày 26/4/2013. Cháu V đã trưởng thành chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Bàn Thúy T1 hiện nay đã nghỉ học và đi làm lao động tự do và Bàn Thị T2 hiện nay đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị N có nguyện vọng được nuôi cả 02 con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh Bàn Phúc T có nguyện vọng được nuôi cháu Bàn Thúy T1, tuy nhiên anh T vắng mặt tại phiên tòa không đưa ra được căn cứ về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Hội đồng xét xử thấy rằng cả hai cháu Bàn Thúy T1 và Bàn Thị T2 đều là con gái, lại đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý; do đó rất cần sự chăm sóc, bảo ban của người mẹ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi

mặt của con cần giao con là Bàn Thúy T1 sinh ngày 28/3/2008 và Bàn Thị T2 sinh ngày 26/4/2013 cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Phạm Thị N và anh Bàn Phúc T đều xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] *Về án phí*: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Bàn Phúc T.

2. Về con chung: Giao con là Bàn Thúy T1 sinh ngày 28/3/2008 và Bàn Thị T2 sinh ngày 26/4/2013 cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; Anh Bàn Phúc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2024/0000137 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 12-12-2024 (xác nhận chị N đã nộp đủ).

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Bàn Phúc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã Đại Sơnt, huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Mai Thị Thu Hương